

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG

HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Seoyeong University Admissions Guide for Foreigners



Cơ sở Gwangju



Gwangju Website

Cơ sở Paju



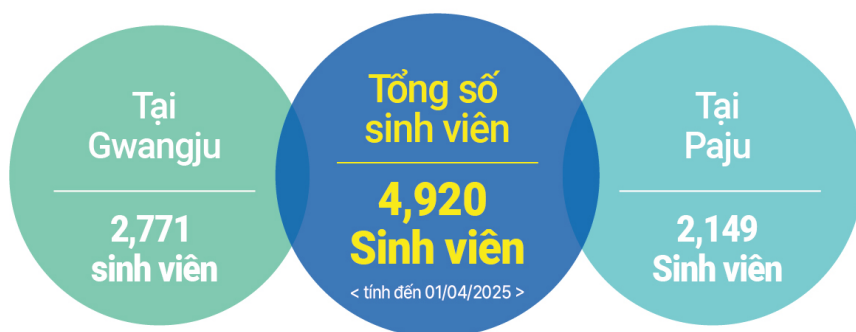
Paju Website

www.seoyeong.ac.kr

01

GIỚI THIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOYEONG

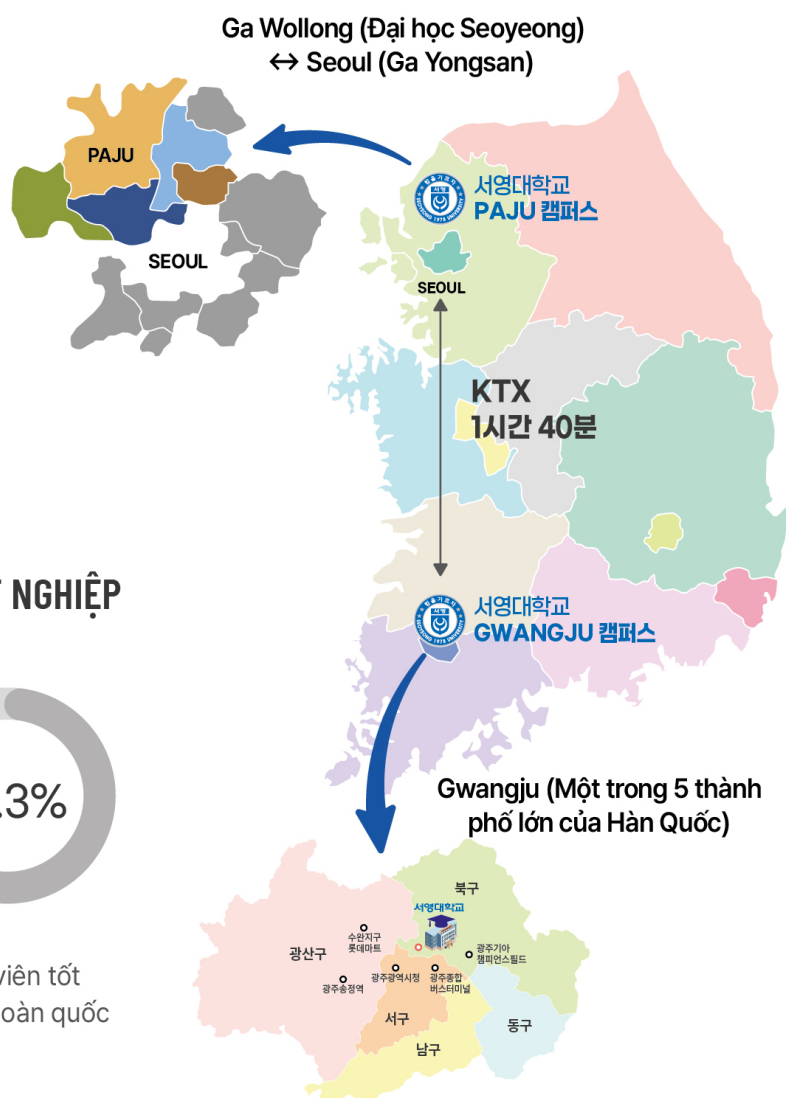
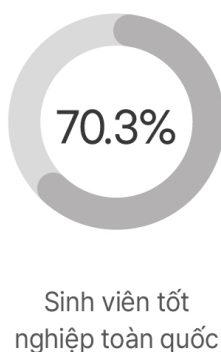
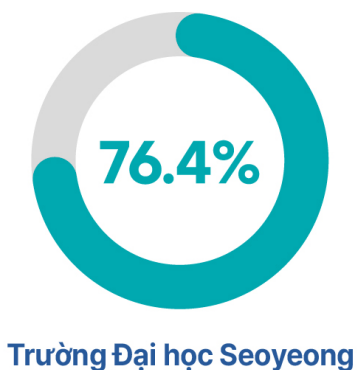
* SỐ LƯỢNG SINH VIÊN THEO HỌC



* HỆ ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH

- ☑ Hệ cao đẳng (2-3 năm) : 31 khoa
- ☑ Hệ đại học (4 năm) : 14 khoa
- ☑ Thạc sĩ : 2 khoa

* TỶ LỆ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

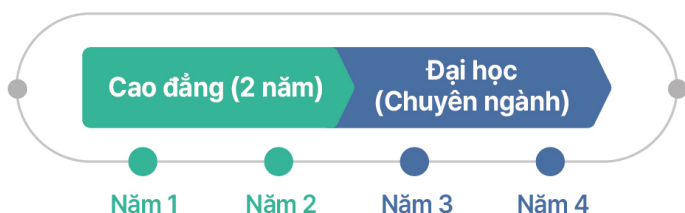




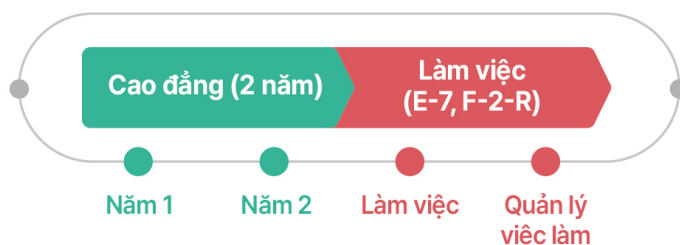
☀ Ưu điểm Đại học Seoyeong



☀ Liên thông 2+2

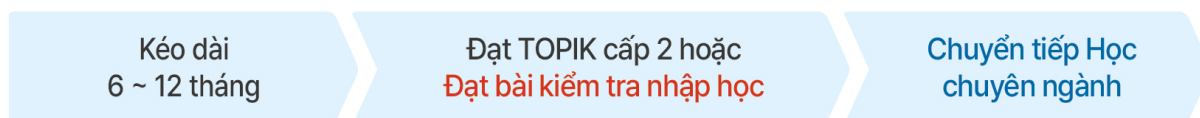


☀ Hỗ trợ xin visa sau khi tốt nghiệp



☀ Khóa học tiếng Hàn (D-4)

- Khai giảng Tháng 3 / Tháng 6 / Tháng 9 / Tháng 12
- Lớp tiếng Hàn (160 tiếng) + Chương trình hỗ trợ thích nghi





* Tuyển sinh du học sinh quốc tế – Tháng 3/2026 (D-2)

Lịch tuyển sinh	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Nộp hồ sơ nhập học	01/10/2025 ~ 21/11/2025	22/12/2025 ~ 02/01/2026	12/01/2026 ~ 11/02/2026
Công bố kết quả trúng tuyển	Từ 24/11/2025	Từ 05/01/2026	14/01/2026 ~ 12/02/2026
Nộp học phí	08/12/2025 ~ 16/12/2025	06/01/2026 ~ 12/01/2026	15/01/2026 ~ 20/02/2026
Cấp Giấy báo nhập học tiêu chuẩn	Từ 09/12/2025	Từ 07/01/2026	Từ 16/01/2026
Nhập cảnh và vào ký túc xá	Từ 23/02/2026		
Khai giảng	02/03/2026		

* Lịch trên có thể thay đổi và sẽ được thông báo trên website.

* Điều kiện nộp đơn

Người nộp đơn phải đáp ứng tất cả các mục ①, ② và ③ dưới đây

- ① Cả cha mẹ và bản thân đều là người nước ngoài
- ② Đã tốt nghiệp từ THPT trở lên hoặc có trình độ học vấn tương đương
- ③ Đạt trình độ cấp 2 trở lên trong Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) hoặc đã hoàn thành khóa đào tạo tương đương

* Về quốc tịch, tính đến ngày nộp hồ sơ, người có hai quốc tịch trong đó có quốc tịch Hàn Quốc không thể nộp đơn.



Hồ sơ cần nộp

No.	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	Theo mẫu của Trường Đại học Seoyeong
2	Bản sao hộ chiếu	Bản sao hộ chiếu của bản thân và của cha mẹ (hoặc giấy tờ tùy thân tại nước sở tại) · Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 1 năm tính đến ngày khai giảng · Đối với người hiện đang sống tại Hàn Quốc, cần nộp thêm bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)
3	Giấy chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp THPT	Được xác nhận qua 1 trong 2 cách dưới đây: · Chứng nhận Apostille (áp dụng cho các quốc gia tham gia công ước như Trung Quốc, Mông Cổ v.v.) · Hồ sơ gốc được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc ở nước nơi theo học trường THPT hoặc được chứng nhận lãnh sự tại đại sứ quán nước sở tại ở Hàn Quốc * Đối với ứng viên mang quốc tịch Trung Quốc, nộp giấy tờ tùy theo "Phân loại trường học" (Tham khảo bảng dưới) * Người nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp sau này phải nộp bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp
4	Bảng điểm của tất cả các lớp tại THPT	Bản gốc và bản dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn	Một trong những giấy tờ sau: · Bảng điểm kỳ thi năng lực tiếng hàn (TOPIK) từ cấp 2 trở lên · Bảng điểm khóa đạo tiếng Hàn từ cấp 2 trở lên tại các trường đại học Hàn Quốc · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) từ cấp 2 trở lên của Chương trình Hòa nhập Xã hội (KIIP) · Giấy chứng nhận hoàn thành (hoàn tất) khóa tiếng Hàn từ Sơ cấp 2 trở lên tại Học viện King Sejong
6	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Giấy tờ chứng minh quốc tịch và mối quan hệ của ứng viên và của cả cha mẹ · Trung Quốc: Bản gốc sổ hộ khẩu có công chứng (trường hợp tách hộ khẩu, nộp bản công chứng mối quan hệ huyết thống) · Các nước khác: Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình tại mỗi nước
7	Sao kê ngân hàng	Bản gốc giấy sao kê tiền gửi đứng tên ứng viên hoặc người bảo lãnh tài chính như cha mẹ v.v. (Cơ sở Gwangju: từ 16 triệu Won trở lên / Cơ sở Paju: từ 20 triệu Won trở lên) * Giấy sao kê tại mỗi quốc gia phải được nộp theo tiêu chuẩn được hướng dẫn bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc và nộp các tài liệu bổ sung khi cần thiết.
8	Giấy tờ chứng minh tài chính	Bản dịch công chứng các giấy tờ chứng minh tài chính (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn) như: giấy xác nhận đi làm của người bảo lãnh tài chính, giấy tờ chứng minh quan hệ thu nhập, tài sản, v.v.
9	Ảnh màu	3 tấm ảnh 3.5 x 4.5 cm loại chụp hộ chiếu với phông nền trắng (được chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

* Trong quá trình xét duyệt hồ sơ, có thể yêu cầu bổ sung giấy tờ cần thiết để xác minh

Cơ sở Gwangju

GWANGJU CAMPUS

CONTENTS

- 07 Chương trình cấp bằng đại học (D-2)
- 09 Giới thiệu các ngành học của Chương trình cấp bằng (D-2)
 - 09 · Khoa tiếng Hàn thực tiễn
 - 10 · Khoa Phúc lợi Dưỡng lão
 - 11 · Khoa Ô tô Tương lai AI
 - 12 · Khoa Kỹ thuật công nghiệp
 - 13 · Khoa Làm đẹp & Thẩm mỹ
- 14 Cơ sở tiện ích dành cho du học sinh quốc tế
- 15 Khóa học tiếng Hàn (D-4)

Cơ sở Paju

PAJU CAMPUS

CONTENTS

Chương trình cấp bằng đại học (D-2)	17
Giới thiệu các ngành học của Chương trình cấp bằng (D-2)	19
· Khoa Tiếng Hàn	19
· Khoa Ô tô tương lai	20
· Khoa Nghệ thuật làm đẹp	21



✻ Ngành tuyển sinh (Chương trình cao đẳng)

Ngành tuyển sinh	Phân loại	Chương trình đào tạo	Ghi chú
Khoa tiếng Hàn thực tiễn (Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh)	Ban ngày	Chương trình đào tạo tiếng Hàn thực hành tại doanh nghiệp	Chương trình đặc biệt liên kết cấp visa F-2-R (Visa cư trú đặc thù khu vực: cư trú 5 năm kèm điều kiện việc làm tại khu vực có dân số suy giảm) và visa E-7 tại Hàn Quốc
Khoa Phúc lợi Dưỡng lão	Ban ngày	Chương trình đào tạo liên kết cấp chứng chỉ hành nghề nhân viên chăm sóc	Chương trình đặc biệt tại Hàn Quốc: liên kết cấp visa E-7-2 (Visa lao động bán chuyên môn như điều dưỡng viên chăm sóc) và định cư
Khoa Ô tô Tương lai AI	Ban ngày	Chương trình đào tạo nhân lực kỹ thuật bảo dưỡng và sản xuất ô tô	Chương trình đặc biệt liên kết việc làm tại quê hương hoặc tại Hàn Quốc thông qua việc cấp visa E-7 (Visa lao động) và F-2-R (Visa cư trú đặc thù khu vực) hướng tới định cư
Khoa Kỹ thuật công nghiệp	Ban ngày	Chương trình đào tạo nhân lực kỹ thuật phổ thông (thợ hàn và các ngành khác)	Chương trình đặc biệt tại Hàn Quốc: liên kết cấp visa E-7-3 (Visa lao động kỹ thuật phổ thông như thợ hàn) và F-2-R (Visa cư trú đặc thù khu vực) hướng tới định cư
Khoa Làm đẹp & Thẩm mỹ	Ban ngày	Chương trình đào tạo liên kết cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ tổng hợp (Da/ Tóc/ Nail/ Trang điểm)	Chương trình đặc biệt: Việc làm và khởi nghiệp trong lĩnh vực thẩm mỹ (Da/ Tóc/ Nail/ Trang điểm) sau khi về nước

* Các ngành tuyển sinh và nội dung nêu trên có thể thay đổi

✻ Tuyển sinh du học sinh quốc tế - Tháng 3/2026 (D-2)

Lịch tuyển sinh	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Nộp hồ sơ nhập học	01/10/2025 ~ 21/11/2025	22/12/2025 ~ 02/01/2026	12/01/2026 ~ 11/02/2026
Công bố kết quả trúng tuyển	Từ 24/11/2025	Từ 05/01/2026	14/01/2026 ~ 12/02/2026
Nộp học phí	08/12/2025 ~ 16/12/2025	06/01/2026 ~ 12/01/2026	15/01/2026 ~ 20/02/2026
Cấp Giấy báo nhập học tiêu chuẩn	Từ 09/12/2025	Từ 07/01/2026	Từ 16/01/2026
Nhập cảnh và vào ký túc xá	Từ 23/02/2026		
Khai giảng	02/03/2026		

* Lịch trên có thể thay đổi và sẽ được thông báo trên website.



☀ Học phí (Miễn tiền nhập học)

Học kỳ 1 : Học bổng **40%**

Học kỳ 2 : Học bổng **30%**

Học kỳ 3 : Học bổng **25%**

Học kỳ 4 : Học bổng **25%**

Ngành tuyển sinh	Học phí	Học bổng 40%	Tiền học phải nộp (Học kỳ 1)
Khoa tiếng Hàn thực tiễn	2,732,480 won	1,093,000 won	1,639,480 won
Khoa Phúc lợi Dưỡng lão	2,732,480 won	1,093,000 won	1,639,480 won
Khoa Ô tô Tương lai AI	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
Khoa Kỹ thuật công nghiệp	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
Khoa Làm đẹp & Thẩm mỹ	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won

☀ HỌC BỔNG (TOPIK)

ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN	KHÁC
Sinh viên đạt Topik 3; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 1 tại học viện Sejong	300,000KRW	Nộp lại chứng nhận liên quan. Chỉ được cấp 1 lần lúc nhập học
Sinh viên đạt Topik 4; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 2 tại học viện Sejong	400,000KRW	
Sinh viên đạt Topik 5 trở lên	500,000KRW	

☀ TIỀN Ở KÝ TÚC XÁ

THÀNH PHẦN	PHÒNG 4 NGƯỜI/ 6 THÁNG
Số tiền	810,000KRW

* không bao gồm tiền ăn

* đóng cùng tiền học phí, có thể thay đổi

☀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÀNH PHẦN	SỐ TIỀN	KHÁC
Bảo hiểm	65,000KRW / 6 tháng	Tham gia bảo hiểm quốc gia
Khác	Sau khi nhập cảnh sinh viên tự đóng các phí cá nhân: (bảo hiểm quốc gia, bảo hiểm DHS), tiền sách học, thẻ người nước ngoài...	

☀ Khoa tiếng Hàn thực tiễn

Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh

hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đổi visa **F-2-R** (cư trú tại vùng đặc biệt: điều kiện cư trú trên 5 năm)
- Đổi visa **E-7** cư trú tại vùng đặc biệt



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa theo các ngành công nghiệp
- Giảng dạy tiếng Hàn theo định hướng toàn cầu hóa
- Liên kết cấp visa cư trú / làm việc tại Hàn Quốc





Khoa Phúc lợi Dưỡng lão

Trường đại học đào tạo điều dưỡng viên chăm sóc cho người nước ngoài



hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Chương trình đặc biệt liên kết với việc có visa **E-7-2** (Visa lao động cho các nhân viên chuyên môn thấp như chăm sóc người cao tuổi) và định cư tại Hàn Quốc
- Đào tạo thực tập và việc làm thông qua các cơ sở thực tập hợp tác về điều dưỡng viên chăm sóc như Cheombit Goeul, Bệnh viện dưỡng lão Hyojeong và các đơn vị khác



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc người cao tuổi
- Đào tạo chuyên môn cho các chuyên gia phúc lợi và dưỡng lão
- Đào tạo tiếng Hàn bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyên nghiệp tại HQ
- Liên kết các đối tác để thực tập và tìm việc làm

Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phúc lợi xã hội>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



Giới thiệu các ngành học của Chương trình cấp bằng (D-2)

☀ Khoa Ô tô Tương lai AI

Ngành được chỉ định trong dự án visa quy mô khu vực

hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- SLàm việc tại quốc gia bạn hoặc đổi visa **E-7** học khóa đặc biệt về định cư HQ
- Đổi visa **F-2-R**(visa cư trú tại vùng đặc biệt : khu dân cư thấp Điều kiện cư trú trên 5 năm) học khóa đặc biệt về định cư



Giới thiệu chuyên ngành

- (Điện) đào tạo kỹ thuật trang bị ô tô
- Đào tạo ngôn ngữ nâng cao theo định hướng toàn cầu
- Liên kết tạo điều kiện cư trú/ làm việc trong Hàn Quốc

Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phòng chống thiên tai, cháy nổ>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này





Khoa Kỹ thuật công nghiệp

Thỏa thuận hợp tác với HD Hyundai Samho, Korea Alps và các đơn vị khác

hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đổi visa **E-7-3** (Hàn, điện, v.v các ngành nhân lực phổ thông) **F-2-R** (cư trú tại khu vực đặc biệt)
Đổi visa F-2-R (cư trú tại vùng đặc biệt: điều kiện cư trú trên 5 năm) Khóa đặc biệt về định cư
- Xưởng đóng tàu(Hyundai Samho v.v...), Sắt, lắp ráp, xây dựng



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo và thực tập các ngành nghề đóng tàu, sắt, hàn,v.v... lao động tay nghề cao
- Đào tạo ngôn ngữ với chuyên môn ngành nghề
- Hỗ trợ tìm kiếm việc làm tại các đối tác công ty liên kết.

Khoa hệ 4 năm <liên thông lên khoa phòng chống thiên tai, cháy nổ>

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



☀ Khoa Làm đẹp & Thẩm mỹ

Cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (không cần thi)

hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Chương trình đào tạo chuyên biệt giúp sinh viên sau khi về nước có thể làm việc hoặc khởi nghiệp trong các lĩnh vực thẩm mỹ chuyên nghiệp (chăm sóc da, làm tóc, làm móng, trang điểm)
- Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (không cần thi)
- Có thể lấy chứng chỉ nghề quốc gia Thợ làm tóc (Hair)



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo chuyên gia làm đẹp toàn cầu, và chuyên nghiệp
- Đào tạo thực hành và chứng chỉ hành nghề làm trọng tâm (da, tóc, nail, makeup)
- Đào tạo ngoại ngữ quốc tế phát triển tài năng phục vụ toàn cầu hóa

Khoa hệ 4 năm <liên thông tiếp lên khoa thẩm mỹ và làm đẹp>
Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



Cơ sở Gwangju

05

Cơ sở tiện ích dành cho du học sinh quốc tế

✻ Ký túc xá Cơ sở Gwangju



✻ Cơ sở vật chất ký túc xá



Bên trong ký túc xá (4 người/phòng)



Global Dining House

Cơ sở Gwangju

06

Khóa học tiếng Hàn (D-4)



LỊCH BIỂU

HỌC KỲ	Lịch kế hoạch	Kết thúc tiếp nhận hồ sơ	Thời gian học theo học kỳ
Mùa đông 2025	26.11.2025 ~ 05.02.2026 [10 tuần]	01/08 - 30/09/2025	1,000,000 won (3 tháng)
Mùa xuân 2026	16.03.2026 ~ 27.05.2026 [10 tuần]	Tháng 11~12	Tổng cộng 160 giờ (16 giờ/tuần, 10 tuần)
Mùa hè 2026	08.06.2026 ~ 13.08.2026 [10 tuần]	Tháng 3~4	
Mùa thu 2026	07.09.2026 ~ 17.11.2026 [10 tuần]	Tháng 5~6	
Mùa đông 2026	01.12.2026 ~ 11.02.2027 [10 tuần]	Tháng 9~10	

Hướng dẫn chi phí năm 2026

PHÂN LOẠI	Lệ phí xét tuyển	HỌC PHÍ	BẢO HIỂM	KÝ TÚC XÁ
SỐ TIỀN	50,000 won	1,046,000 won	65,000 won (6 tháng)	810,000 won (6tháng, phòng 4 người)
KHÁC	Đóng 1 lần và không hoàn lại	Mỗi học kỳ (3 tháng)	Six months after enrollment Mandatory coverage of National Health Insurance	Exclusive of meal charges
SỐ TÀI KHOẢN	Số tài khoản theo quy định sẽ được cung cấp khi thông báo trúng tuyển			

* Sau khi nhập cảnh các chi phí phát sinh mỗi cá nhân tự đóng (bảo hiểm quốc gia, tiền sách, thẻ người nước ngoài, v.v...)

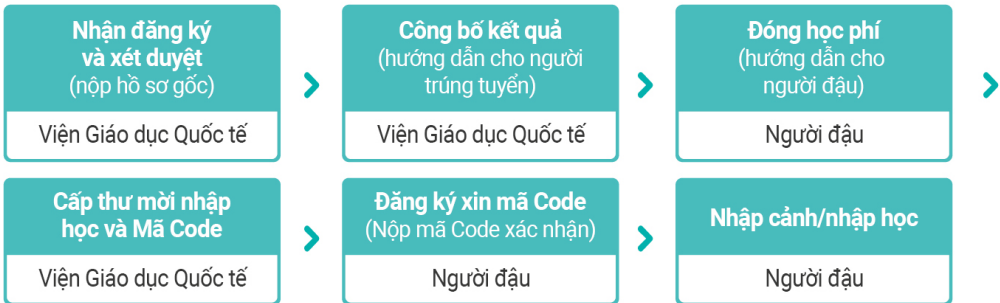
ƯU ĐÃI

- ACó hỗ trợ tại sân bay
- Trải nghiệm văn hóa (K-food, làm bánh, v.v...)
- Chương trình trải nghiệm thích ứng

ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ

- Là người nước ngoài
- Tốt nghiệp cấp 3 trở lên, hoặc tương đương

TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ





Hồ sơ cần nộp

No.	Hồ sơ cần nộp	Ghi chú
1	Đơn đăng ký nhập học	Theo mẫu của Trường Đại học Seoyeon
2	Bản sao hộ chiếu	Bản sao hộ chiếu của bản thân và của cha mẹ (hoặc giấy tờ tùy thân tại nước sở tại) · Hộ chiếu còn thời hạn ít nhất 1 năm tính đến ngày khai giảng · Đối với người hiện đang sống tại Hàn Quốc, cần nộp thêm bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (mặt trước và mặt sau)
3	Chứng nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông (tạm thời)	Được xác nhận qua 1 trong 2 cách dưới đây: ① Chứng nhận Apostille (áp dụng cho các quốc gia tham gia công ước) ② Hồ sơ gốc được chứng nhận lãnh sự Hàn Quốc ở nước nơi theo học trường THPT hoặc được chứng nhận lãnh sự tại đại sứ quán nước sở tại ở Hàn Quốc * Đối với ứng viên mang quốc tịch Trung Quốc, nộp giấy chứng nhận học lực do Bộ Giáo dục cấp * Đối với học sinh nộp Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời sẽ phải bổ sung Chứng nhận tốt nghiệp sau.
4	Bảng điểm của tất cả các lớp tại THPT	Bản gốc và bản dịch công chứng (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn)
5	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Giấy tờ chứng minh quốc tịch và mối quan hệ của người nộp đơn và của cả cha mẹ · Trung Quốc: Bản gốc sổ hộ khẩu có công chứng (trường hợp tách hộ khẩu, nộp bản công chứng mối quan hệ huyết thống) · Các nước khác : Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình tại mỗi nước
6	Sao kê ngân hàng	ản gốc giấy sao kê tiền gửi đứng tên ứng viên hoặc người bảo lãnh tài chính như cha mẹ v.v. (từ 8 triệu won trở lên) *Giấy sao kê tại mỗi quốc gia phải được nộp theo tiêu chuẩn được hướng dẫn bởi Bộ Tư pháp Hàn Quốc và nộp các tài liệu bổ sung khi cần thiết. - Trung Quốc : Giấy sao kê được cấp trong vòng 1 tháng tính đến ngày nộp đơn xin nhập học và sau đó nộp thêm giấy trong vòng 1 tháng tính đến thời điểm xin thị thực - Việt Nam : Nộp Giấy xác nhận tiền gửi đảm bảo phí du học (thời hạn gửi 1 năm, từ 8 triệu won trở lên)
7	Giấy tờ chứng minh tài chính	Bản dịch công chứng các giấy tờ chứng minh tài chính (tiếng Anh hoặc tiếng Hàn) như: giấy xác nhận đi làm của người bảo lãnh tài chính, giấy tờ chứng minh quan hệ thu nhập, tài sản, v.v.
8	Ảnh màu	3 tấm ảnh 3.5 x 4.5 cm loại chụp hộ chiếu với phông nền trắng (được chụp trong vòng 6 tháng gần nhất)

* Trong quá trình xét duyệt hồ sơ, có thể yêu cầu bổ sung giấy tờ cần thiết để xác minh



✻ Ngành tuyển sinh (Chương trình cao đẳng)

Ngành tuyển sinh	Phân loại	Chương trình đào tạo	Ghi chú
Khoa Tiếng Hàn (Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh)	Ban ngày	Chương trình đào tạo tiếng Hàn thực hành tại doanh nghiệp	Chương trình đặc biệt liên kết cấp visa F-2-R (Visa cư trú đặc thù khu vực: cư trú 5 năm kèm điều kiện việc làm tại khu vực có dân số suy giảm) và visa E-7 tại Hàn Quốc
★ Khoa Ô tô tương lai (Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh)	Ban ngày / Ban đêm	Chương trình đào tạo nhân lực kỹ thuật bảo dưỡng và sản xuất ô tô	Chương trình đặc biệt liên kết việc làm tại quê hương hoặc tại Hàn Quốc thông qua việc cấp visa E-7 (Visa lao động) và F-2-R (Visa cư trú đặc thù khu vực) hướng tới định cư
Khoa Nghệ thuật làm đẹp	Ban ngày	Chương trình đào tạo liên kết cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ tổng hợp (Da/ Tóc/ Nail/ Trang điểm)	Chương trình đặc biệt: Việc làm và khởi nghiệp trong lĩnh vực thẩm mỹ (Da/ Tóc/ Nail/ Trang điểm) sau khi về nước

★ Ngành Ô tô Tương lai (ban đêm) dành cho người lao động nước ngoài đang làm việc tại Hàn Quốc theo diện visa E9, E7, F2.
✱ Các ngành tuyển sinh và nội dung nêu trên có thể thay đổi

✻ Tuyển sinh du học sinh quốc tế – Tháng 3/2026 (D-2)

Lịch tuyển sinh	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3
Nộp hồ sơ nhập học	01/10/2025 ~ 21/11/2025	22/12/2025 ~ 02/01/2026	12/01/2026 ~ 11/02/2026
Công bố kết quả trúng tuyển	Từ 24/11/2025	Từ 05/01/2026	14/01/2026 ~ 12/02/2026
Nộp học phí	08/12/2025 ~ 16/12/2025	06/01/2026 ~ 12/01/2026	15/01/2026 ~ 20/02/2026
Cấp Giấy báo nhập học tiêu chuẩn	Từ 09/12/2025	Từ 07/01/2026	Từ 16/01/2026
Nhập cảnh	Từ 23/02/2026		
Khai giảng	02/03/2026		

✱ Lịch trên có thể thay đổi và sẽ được thông báo trên website.



☀ Học phí (Miễn tiền nhập học)

Học kỳ 1 : Học bổng **40%**

Học kỳ 2 : Học bổng **30%**

Học kỳ 3 : Học bổng **25%**

Học kỳ 4 : Học bổng **25%**

Ngành tuyển sinh	Học phí	Học bổng 40%	Tiền học phải nộp (Học kỳ 1)
Khoa Tiếng Hàn	2,982,480 won	1,193,000 won	1,789,480 won
Khoa Ô tô tương lai	3,432,480 won	1,373,000 won	2,059,480 won
Khoa Nghệ thuật làm đẹp	3,432,480 won	1,373,000 won	2,059,480 won

☀ HỌC BỔNG (TOPIK)

ĐỐI TƯỢNG	SỐ TIỀN	KHÁC
Sinh viên đạt Topik 3; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 1 tại học viện Sejong	300,000KRW	Nộp lại chứng nhận liên quan. Chỉ được cấp 1 lần lúc nhập học
Sinh viên đạt Topik 4; hoàn thành tiếng Hàn trung cấp 2 tại học viện Sejong	400,000KRW	
Sinh viên đạt Topik 5 trở lên	500,000KRW	

☀ CÁC CHI PHÍ KHÁC

THÀNH PHẦN	SỐ TIỀN	KHÁC
Bảo hiểm	65,000KRW / 6 tháng	Tham gia bảo hiểm quốc gia
Khác	Sau khi nhập cảnh sinh viên tự đóng các phí cá nhân: (bảo hiểm quốc gia, bảo hiểm DHS), tiền sách học, thẻ người nước ngoài...	

Giới thiệu các ngành học của Chương trình cấp bằng (D-2)

☀ Khoa Tiếng Hàn

Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh

hệ ban ngày / chương trình 2 năm



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Đổi visa **F-2-R** (cư trú tại vùng đặc biệt: điều kiện cư trú trên 5 năm)
- Đổi visa **E-7** cư trú tại vùng đặc biệt



Giới thiệu chuyên ngành

- Đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa theo các ngành công nghiệp
- Giảng dạy tiếng Hàn theo định hướng toàn cầu hóa
- Liên kết cấp visa cư trú / làm việc tại Hàn Quốc





hệ ban ngày · đêm / chương trình 2 năm

Khoa Ô tô tương lai

Chương trình tiếng Hàn/tiếng Anh



Khoa tiên phong công nghệ ô tô – điện toàn cầu



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Làm việc tại quốc gia bạn hoặc đổi visa **E-7**, học khóa đặc biệt về định cư
- Đổi visa **F-2-R**(visa cư trú tại vùng đặc biệt: khu dân cư thấp Điều kiện cư trú trên 5 năm) học khóa đặc biệt về định cư



Giới thiệu chuyên ngành

- (Điện) giáo dục quá trình kỹ thuật trang bị xe ô tô
- Cư trú tại Hàn Quốc/ liên kết visa làm việc
- Vận hành giáo dục tiếng Hàn theo lĩnh vực toàn cầu



Hợp tác công nghiệp và học tập

- Vẽ phác thảo điện Paju (PEG), kết nối với trên 50 doanh nghiệp năng lượng Paju
- Doanh nghiệp trang thiết bị xe ô tô, doanh nghiệp kiểm định xe ô tô, doanh nghiệp chế tạo phụ kiện xe ô tô

Vận hành hệ 4 năm

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



Cơ sở Paju

08

Giới thiệu các ngành học của Chương trình cấp bằng (D-2)

hệ ban ngày / chương trình 2 năm

☀ Khoa Nghệ thuật làm đẹp

Cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (không cần thi)



Top Hàn Quốc Class Khoa làm đẹp nổi danh



Chuyên ngành & Việc làm / nghề nghiệp

- Chương trình đào tạo chuyên biệt giúp sinh viên sau khi về nước có thể làm việc hoặc khởi nghiệp trong các lĩnh vực thẩm mỹ chuyên nghiệp (chăm sóc da, làm tóc, làm móng, trang điểm)
- Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề thẩm mỹ (không cần thi)
- Đào tạo thực tập và việc làm thông qua các cơ sở hợp tác như Công ty ID Beauty, Công ty Juno Beauty và các đơn vị khác



Giới thiệu chuyên ngành

- Giáo dục về các lĩnh vực làm đẹp quốc tế
- Làm đẹp (da, tóc, nail, make-up) trọng tâm thực hành và nhận chứng chỉ
- Giáo dục ngôn ngữ để phát triển phục vụ toàn cầu
- Giáo dục phù hợp với các nhu cầu tiêu chuẩn quốc tế

Vận hành hệ 4 năm

Sau khi tốt nghiệp hệ 2 năm có thể liên thông năm 3 lên ngành này



☀️ ĐƯỜNG ĐẾN CƠ SỞ GWANGJU



☀️ ĐƯỜNG ĐẾN CƠ SỞ PAJU



경의중앙선

- 홍대입구역에서 **42분**
- 대곡역에서 **26분**
- 디지털미디어시티역에서 **36분**

서해선

- 사우역(김포시청)에서 **49분**
- 인천계양에서 **44분**
- 부천소사에서 **42분**
- 인천검암에서 **49분**
- 김포공항역에서 **37분**
- 까치산역에서 **49분**

**Là trường Đại học trọng tâm nghề nghiệp
đào tạo nhân lực công nghiệp người nước
ngoài có thể định cư**



서영대학교
SEOYEONG UNIVERSITY

Viện Giáo Dục Quốc Tế Đại Học Seoyeong

Số điện thoại : GWANGJU : 82-62-520-5144 | PAJU : 82-31-930-9640

Số fax : GWANGJU : 82-62-520-5146 | PAJU : 82-31-930-9575

E-mail : globalsy@seoyeong.ac.kr

Địa chỉ : 1, Seogang-ro, Buk-gu, Gwangju (Gwanju Campus)

170, Seoyeong-ro, Wollong-myeon, Paju-si, Gyeonggi-do (Paju Campus)



Viện Giáo dục
Quốc tế Đại Học
Seoyeong